

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **178/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-7-2023

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị H và anh Th”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Chị H vắng mặt có lý do; anh Th vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10-3-2023, bản tự khai ngày 12-5-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Th kết hôn với nhau ngày 25-5-2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh Th tại xóm X, xã H, huyện H. Vợ chồng chung sống không được hòa thuận, hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không cùng nhau chia sẻ được mọi việc trong cuộc sống. Năm 2015, anh Th đi xuất khẩu lao động, đến năm 2022 mới về nước nhưng trong thời gian anh Th ở

bên nước ngoài thì anh không quan tâm gì đến gia đình, không nói chuyện gọi điện cho chị H, từ đó vợ chồng tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Tháng 6/2022, anh Th về nước nhưng vợ chồng chung sống vẫn không hòa hợp, không chia sẻ nói chuyện gì với nhau. Do đó, đến tháng 8/2022 chị H đã đưa con về nhà ngoại ở, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm của chị đối với anh Th không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 19-3-2013. Hiện nay con đang ở cùng chị H tại nhà ngoại, khi ly hôn chị H đề nghị nhận nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Th nhận các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, bản sao đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H và bản sao các tài liệu, chứng cứ chị H nộp cho Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Anh Th đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh Th không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị H.

Vì lý do công việc bận nên chị H có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Văn Th đã được tổng đạt văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H đăng ký kết hôn ngày 25-5-2012. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc nên đã sống ly thân từ 8/2022 cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Th xuất phát từ tính tình vợ chồng không hợp, không cùng quan điểm sống để cùng nhau chia sẻ mọi việc trong

cuộc sống nên vợ chồng không còn tình cảm gắn bó với nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm của chị đối với anh Th không còn nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh Th. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th đã biết việc chị H xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân anh Th cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với chị H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 19-3-2013. Hiện nay con đang ở với chị H tại nhà ngoại, khi ly hôn chị H đề nghị nhận nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên hiện nay, nguyện vọng của chị H và của con chung thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu H sống cùng chị H và gia đình nhà ngoại ở xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, anh Th không trực tiếp chăm sóc con. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th đã biết được yêu cầu của chị H đề nghị nhận nuôi con chung, tuy nhiên anh không có ý kiến gì. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị được nuôi con chung của chị H, giao cháu Trần Quốc H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không buộc anh Th cấp dưỡng nuôi hai con cho chị H (do chị H không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Th không có ý kiến gì về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc H, sinh ngày 19-3-2013 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên. Anh Trần Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H, hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006666 ngày 09-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

